

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 1

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6001	MO HA MACH	ALY	15/02/2012	6.3	
2	6002	TR NG LÊ B O	AN	13/06/2012	6.5	
3	6003	TR N HUỖNH H NG	AN	12/11/2012	6.14	
4	6004	LÝ PH C	AN	06/01/2012	6.5	
5	6005	Đ QU C	AN	24/09/2012	6.4	
6	6006	PHAN VĂN QU C	AN	03/11/2012	6.6	
7	6007	PH M THÁI	AN	20/03/2012	6.4	
8	6008	Đ THANH	AN	29/05/2012	6.3	
9	6009	NGUY N B O	ANH	03/01/2012	6.12	
10	6010	TR N VŨ DUY	ANH	28/03/2012	6.9	
11	6011	BÙI TR N HOÀI	ANH	24/10/2012	6.7	
12	6012	PH M CHÂU HOÀNG	ANH	01/10/2012	6.16	
13	6013	NGUY N HOÀNG	ANH	10/08/2012	6.2	
14	6014	LÊ NGUY N KI U	ANH	28/02/2012	6.1	
15	6015	HUỖNH KIM	ANH	02/08/2012	6.9	
16	6016	ĐÀO TH KIM	ANH	11/09/2012	6.6	
17	6017	NGUY N TR N LAN	ANH	22/06/2012	6.7	
18	6018	NGUY N NG C MINH	ANH	05/10/2012	6.11	
19	6019	VÔ MINH	ANH	02/12/2012	6.6	
20	6020	H NG C	ANH	15/02/2012	6.17	
21	6021	NGUY N NG C	ANH	06/08/2012	6.13	
22	6022	LÊ TH NG C	ANH	18/10/2012	6.10	
23	6023	NGUY N TH NG C	ANH	12/10/2012	6.17	
24	6024	PHAN	ANH	11/11/2012	6.8	
25	6025	D NG NG C PH NG	ANH	30/12/2011	6.7	
26	6026	NGUY N QU C	ANH	03/01/2012	6.12	
27	6027	TR N LÊ QUỲNH	ANH	25/11/2012	6.8	
28	6028	NGUY N NG C QUỲNH	ANH	25/06/2012	6.4	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 2

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6029	NGUY N QUỲNH	ANH	03/12/2012	6.9	
2	6030	PHAN NGUY N QUỲNH	ANH	01/01/1900	6.14	
3	6031	NGÔ TH	ANH	16/11/2012	6.15	
4	6032	NGUY N NG C TI N	ANH	31/12/2012	6.12	
5	6033	NGUY N TRÂM	ANH	26/05/2011	6.11	
6	6034	NGUY N TH TRÂM	ANH	30/03/2012	6.13	
7	6035	VÕ TRÂM	ANH	14/07/2012	6.15	
8	6036	NGUY N TÚ	ANH	15/05/2012	6.5	
9	6037	NGÔ HOÀNG TU N	ANH	26/06/2012	6.10	
10	6038	Đ NG NG C TU N	ANH	10/05/2012	6.8	
11	6039	NGUY N TU N	ANH	15/11/2012	6.4	
12	6040	PH M TH TUY T	ANH	07/08/2012	6.10	
13	6041	HOÀNG TH VÂN	ANH	31/03/2011	6.9	
14	6042	NGUY N XUÂN	ANH	30/07/2012	6.17	
15	6043	VŨ NH T	ẤNH	26/06/2012	6.12	
16	6044	NGUY N BÁ	ẤN	06/08/2012	6.16	
17	6045	TR N NGUY N GIA	ẤN	06/09/2012	6.1	
18	6046	NGUY N NG C H NG	ẤN	21/11/2012	6.13	
19	6047	PH M NGUY N H NG	ẤN	08/02/2012	6.2	
20	6048	NGUY N MINH	ẤN	10/05/2012	6.15	
21	6049	ĐÀO THIÊN	ẤN	03/09/2012	6.7	
22	6050	PH M THIÊN	ẤN	13/09/2012	6.14	
23	6051	HÀ GIA	B O	31/08/2012	6.4	
24	6052	LÊ HOÀNG GIA	B O	17/05/2012	6.7	
25	6053	H HUỲNH GIA	B O	02/10/2012	6.4	
26	6054	NGUY N GIA	B O	17/04/2012	6.3	
27	6055	NGUY N GIA	B O	11/05/2012	6.12	
28	6056	PHAN GIA	B O	17/12/2012	6.8	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 3

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6057	QUAN GIA	B O	21/01/2012	6.6	
2	6058	TR N GIA	B O	05/08/2012	6.10	
3	6059	TR N GIA	B O	14/12/2011	6.5	
4	6060	TR NG GIA	B O	09/03/2012	6.16	
5	6061	NGUY N VĂN GIA	B O	27/06/2012	6.14	
6	6062	NGUY N V NG GIA	B O	21/12/2012	6.13	
7	6063	NGUY N HUỖNH HOÀI	B O	06/03/2012	6.6	
8	6064	PHAN H NG	B O	24/07/2012	6.9	
9	6065	LÊ HUỖNH	B O	30/01/2012	6.11	
10	6066	H THIÊN	B O	27/12/2012	6.6	
11	6067	VŨ THIÊN	B O	25/05/2012	6.3	
12	6068	VI TRÍ	B O	04/07/2012	6.15	
13	6069	D NG VĂN	B O	25/07/2009	6.11	
14	6070	VŨ HOÀNG H I	BĂNG	28/05/2012	6.14	
15	6071	H NG C	BÍCH	02/03/2010	6.15	
16	6072	NGUY N TH NG C	BÍCH	08/11/2012	6.1	
17	6073	NGUY N THANH	BÌNH	01/07/2012	6.7	
18	6074	NGUY N NG C B O	CHÂU	10/01/2012	6.6	
19	6075	TR N TH B O	CHÂU	15/04/2012	6.4	
20	6076	HOÀNG NG C MINH	CHÂU	24/12/2012	6.16	
21	6077	HUỖNH NG C MINH	CHÂU	04/09/2012	6.2	
22	6078	LÊ NG C MINH	CHÂU	10/09/2012	6.17	
23	6079	LÊ NGUYỄN MINH	CHÂU	13/04/2012	6.3	
24	6080	NGUY N TĂNG	CHÂU	10/10/2012	6.1	
25	6081	TR N VĂN	CHÂU	15/10/2012	6.5	
26	6082	NGUY N TH BÍCH	CHI	14/10/2012	6.9	
27	6083	NGUY N THÁI QUỲNH	CHI	31/12/2011	6.8	
28	6084	LÊ THÙY	CHI	20/10/2012	6.7	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 4

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6085	CÁI PH M T N	CÔNG	03/01/2012	6.9	
2	6086	Đ NG TH KIM	C NG	18/02/2012	6.10	
3	6087	D NG CHÍ	C NG	09/08/2012	6.10	
4	6088	H VÔ GIA	C NG	02/07/2012	6.12	
5	6089	NGUY N MINH	C NG	30/12/2012	6.11	
6	6090	PHAN QU C	DANH	23/09/2012	6.13	
7	6091	TR N THÀNH	DANH	21/07/2012	6.14	
8	6092	H TÂM	DI	15/10/2012	6.11	
9	6093	CH NG M	DUNG	07/09/2012	6.12	
10	6094	LÊ	DỪNG	04/07/2012	6.15	
11	6095	LÊ T N	DỪNG	06/03/2012	6.1	
12	6096	Đ NG B O	DUY	05/03/2012	6.16	
13	6097	ĐINH T N	DUY	29/05/2010	6.3	
14	6098	NGUY N THANH	DUY	26/03/2010	6.8	
15	6099	NGUY N TR NG	DUY	11/09/2012	6.17	
16	6100	NGUY N CAO KỶ	DUYÊN	03/07/2012	6.14	
17	6101	NGUY N KỶ	DUYÊN	02/04/2012	6.1	
18	6102	NGUY N NG C	DUYÊN	24/10/2012	6.13	
19	6103	LÊ NG C ÁNH	D NG	03/09/2012	6.15	
20	6104	VÔ ÁNH	D NG	29/04/2012	6.16	
21	6105	ĐOÀN M NH	D NG	01/12/2012	6.6	
22	6106	NGUY N NG C THÁI	D NG	27/05/2012	6.5	
23	6107	NGUY N TR N GIA	Đ I	25/01/2012	6.2	
24	6108	NGUY N TH LINH	ĐAN	24/07/2012	6.17	
25	6109	DI P CAO	Đ T	29/10/2012	6.11	
26	6110	PHAN HUỖNH HOÀNG	Đ T	31/12/2012	6.7	
27	6111	TR N HUỖNH	Đ T	23/05/2012	6.16	
28	6112	NGUY N H NG	Đ T	29/01/2012	6.9	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 5

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6113	NGUY N T N	Đ T	24/01/2012	6.6	
2	6114	CA THÀNH	Đ T	31/08/2012	6.8	
3	6115	CAO THÀNH	Đ T	29/05/2011	6.14	
4	6116	Đ THÀNH	Đ T	23/02/2012	6.5	
5	6117	NGUY N THÀNH	Đ T	30/11/2010	6.17	
6	6118	NGUY N THÀNH	Đ T	27/08/2012	6.8	
7	6119	PH M THÀNH	Đ T	07/10/2012	6.4	
8	6120	T THÀNH	Đ T	27/02/2012	6.12	
9	6121	TR N THÀNH	Đ T	26/06/2012	6.13	
10	6122	TR N NGUY N TI N	Đ T	03/06/2012	6.10	
11	6123	TR N TI N	Đ T	16/04/2012	6.3	
12	6124	LÝ TU N	Đ T	16/10/2011	6.15	
13	6125	NGUY N HUỖNH	ĐĂNG	28/05/2012	6.7	
14	6126	NGUY N HÙNG MINH	ĐĂNG	18/10/2012	6.8	
15	6127	CH PHAN B O	ĐÔNG	11/03/2012	6.9	
16	6128	NGUY N XUÂN HOÀNG	ĐÔNG	15/10/2012	6.10	
17	6129	NGUY N MINH	ĐÔNG	06/01/2012	6.11	
18	6130	Đ ANH	Đ C	08/09/2012	6.13	
19	6131	PH M ANH	Đ C	14/02/2012	6.16	
20	6132	ĐOÀN MINH	Đ C	28/11/2012	6.12	
21	6133	PHAN T N	Đ C	03/05/2011	6.14	
22	6134	L U TR N THI N	Đ C	02/12/2012	6.17	
23	6135	VŨ VI T	Đ C	27/11/2012	6.13	
24	6136	VÕ TH H NG	G M	02/10/2012	6.10	
25	6137	NGUY N HUỖNH NGÂN	GIANG	14/02/2012	6.2	
26	6138	TR N NG C QUỖNH	GIANG	09/10/2012	6.4	
27	6139	NGUY N QUỖNH	GIAO	08/10/2012	6.5	
28	6140	T NG C M	HÀ	06/11/2012	6.8	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 6

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6141	LÊ TH KIM	HÀ	21/09/2012	6.6	
2	6142	PH M TH MINH	HÀ	16/06/2012	6.9	
3	6143	LÊ KHÁNH NG C	HÀ	06/10/2012	6.3	
4	6144	TR N NG C	HÀ	07/11/2012	6.7	
5	6145	VŨ LÊ ANH	H I	10/07/2012	6.17	
6	6146	TSÔI TR NG	H I	03/01/2012	6.14	
7	6147	NGUY NH U GIA	HÀO	07/09/2012	6.6	
8	6148	NGUY N GIA	HÀO	11/12/2012	6.5	
9	6149	TR N GIA	HÀO	02/01/2012	6.4	
10	6150	L KI N	HÀO	12/03/2011	6.4	
11	6151	NGÔ QUANG	HÀO	26/04/2012	6.1	
12	6152	LÊ TH KIM	H NG	07/08/2012	6.11	
13	6153	TR N TUY T MINH	H NG	06/12/2012	6.10	
14	6154	NGUY N NG C B O	HÂN	11/09/2012	6.12	
15	6155	D NG GIA	HÂN	08/06/2012	6.17	
16	6156	GI NG GIA	HÂN	17/09/2012	6.11	
17	6157	HUỶNH GIA	HÂN	11/11/2012	6.12	
18	6158	LÝ GIA	HÂN	03/06/2011	6.9	
19	6159	NGUY N GIA	HÂN	20/02/2012	6.1	
20	6160	TR N GIA	HÂN	24/05/2012	6.15	
21	6161	NGUY N HOÀNG KH	HÂN	25/07/2012	6.8	
22	6162	LÊ KH	HÂN	24/06/2012	6.13	
23	6163	NGUY N KH	HÂN	01/05/2012	6.5	
24	6164	NGUY N Đ C NG C	HÂN	04/05/2012	6.13	
25	6165	LÊ NG C	HÂN	06/09/2012	6.16	
26	6166	NGUY N LÊ NG C	HÂN	27/05/2011	6.14	
27	6167	NGUY N PH M NG C	HÂN	20/08/2012	6.7	
28	6168	PH M TH NG C	HÂN	05/10/2012	6.10	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2
PHÒNG: 7

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6169	Đ NG TR N NG C	HÂN	24/09/2012	6.3	
2	6170	NGUY N	HÂN	18/10/2012	6.6	
3	6171	D NG NHÃ	HÂN	27/09/2012	6.4	
4	6172	LÊ TH KIM	H U	31/10/2012	6.14	
5	6173	NGUY N NG C	H U	08/05/2012	6.8	
6	6174	TR NG PHÙNG	H U	16/10/2012	6.9	
7	6175	NGUY N HI U	HI N	12/08/2012	6.11	
8	6176	NGUY N NG C	HI N	14/06/2012	6.15	
9	6177	Đ NGUY N PH NG	HI N	09/08/2012	6.16	
10	6178	NGÔ THANH	HI N	02/04/2010	6.10	
11	6179	CHỨC ANH	HI P	23/03/2012	6.13	
12	6180	ĐINH TH KIM	HI U	30/10/2012	6.17	
13	6181	LÊ	HI U	20/06/2012	6.16	
14	6182	NGUY N T MINH	HI U	19/05/2012	6.15	
15	6183	NGUY N TR N NG C	HI U	24/12/2012	6.3	
16	6184	LÊ QUANG	HI U	04/10/2012	6.14	
17	6185	LÊ TRUNG	HI U	11/09/2012	6.3	
18	6186	NGUY N TRUNG	HI U	02/10/2012	6.4	
19	6187	TR N TRUNG	HI U	26/04/2012	6.17	
20	6188	VÔ TH M	HOA	09/10/2011	6.4	
21	6189	VÔ VĂN	HÓA	20/01/2012	6.5	
22	6190	NGUY N HUỖNH B O	HOÀI	06/03/2012	6.6	
23	6191	H HUY	HOÀNG	04/03/2012	6.8	
24	6192	NGUY N HUY	HOÀNG	27/11/2012	6.2	
25	6193	LÊ VŨ MINH	HOÀNG	06/10/2012	6.7	
26	6194	NGUY N NG C M	HOÀNG	03/01/2012	6.4	
27	6195	TR N THANH	HUÊ	10/08/2012	6.9	
28	6196	NGUY N MINH	HÙNG	18/02/2010	6.12	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 8

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6197	PHẨM T T	HÙNG	26/03/2012	6.11	
2	6198	NGUY N THANH	HÙNG	06/10/2012	6.3	
3	6199	NGUY N TU N	HÙNG	17/05/2012	6.13	
4	6200	MAI Đ C	HUY	13/07/2012	6.4	
5	6201	VÕ TR N Đ C	HUY	27/12/2012	6.7	
6	6202	HUỖNH GIA	HUY	12/08/2011	6.15	
7	6203	NGUY N HUỖNH GIA	HUY	25/01/2012	6.12	
8	6204	KIM GIA	HUY	20/11/2012	6.14	
9	6205	NGUY N GIA	HUY	15/07/2012	6.17	
10	6206	NGUY N GIA	HUY	26/10/2012	6.15	
11	6207	PH M GIA	HUY	03/08/2011	6.17	
12	6208	NGUY N PH M GIA	HUY	07/02/2012	6.13	
13	6209	V NG GIA	HUY	15/11/2012	6.16	
14	6210	NGUY N HOÀNG	HUY	14/10/2012	6.7	
15	6211	NGUY N HOÀNG	HUY	22/04/2012	6.8	
16	6212	CH NGUY N HOÀNG	HUY	17/01/2011	6.9	
17	6213	NGUY N MINH	HUY	05/05/2012	6.5	
18	6214	TR N MINH	HUY	19/01/2012	6.3	
19	6215	PHAN NG C	HUY	04/12/2012	6.16	
20	6216	LÂM NH T	HUY	29/07/2011	6.14	
21	6217	NGUY N NH T	HUY	23/08/2011	6.1	
22	6218	LÊ QU C	HUY	02/02/2012	6.6	
23	6219	H TRÍ	HUY	24/11/2012	6.10	
24	6220	LÊ MINH TU N	HUY	24/12/2012	6.11	
25	6221	NGUY N LÊ KHÁNH	HUY N	06/01/2012	6.12	
26	6222	NGUY N KHÁNH	HUY N	10/01/2012	6.5	
27	6223	NGUY N TH NG C	HUY N	22/10/2012	6.2	
28	6224	PH M TH	HUY N	20/09/2012	6.6	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 9

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6225	TR N NGUY N GIA	H NG	13/11/2012	6.2	
2	6226	NGUY N NG C QUỲNH	H NG	01/10/2012	6.8	
3	6227	NGUY N GIA	HY	06/07/2012	6.4	
4	6228	HUỶNH HOÀNG	KHA	04/12/2010	6.17	
5	6229	TR N QUANG	KH I	02/05/2012	6.6	
6	6230	NGUY N HOÀNG TU N	KH I	28/12/2012	6.5	
7	6231	NGUY N V N AN	KHANG	04/02/2010	6.5	
8	6232	HUỶNH B O	KHANG	21/07/2012	6.10	
9	6233	NGUY N B O	KHANG	20/01/2012	6.3	
10	6234	VŨ B O	KHANG	23/03/2012	6.13	
11	6235	D NG CH N	KHANG	14/12/2011	6.17	
12	6236	LÊ HOÀNG	KHANG	17/12/2012	6.7	
13	6237	LÊ HOÀNG	KHANG	05/07/2012	6.9	
14	6238	HUỶNH H U	KHANG	23/06/2012	6.12	
15	6239	HUỶNH MINH	KHANG	12/10/2012	6.11	
16	6240	Đ NGUY N MINH	KHANG	02/06/2012	6.4	
17	6241	VÔ MINH	KHANG	01/06/2012	6.8	
18	6242	NGUY N	KHANG	05/03/2012	6.3	
19	6243	PH M NGUY N QU C	KHANG	30/12/2012	6.2	
20	6244	NGUY N TR NG	KHANG	25/05/2011	6.15	
21	6245	NGUY N LÂM VĨNH	KHANG	07/10/2012	6.10	
22	6246	LÊ HOÀNG B O	KHANH	07/11/2012	6.5	
23	6247	NGUY N TĂNG TU N	KHANH	01/08/2012	6.9	
24	6248	TR N ĐĂNG	KHÁNH	11/12/2012	6.8	
25	6249	PH M NGUY N GIA	KHÁNH	09/07/2012	6.10	
26	6250	NGUY N THÙY NH T	KHÁNH	11/07/2012	6.13	
27	6251	ĐOÀN VINH	KHÁNH	08/05/2012	6.7	
28	6252	Đ VY	KHÁNH	08/10/2012	6.9	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 10

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6253	LÊ ĐĂNG	KHOA	27/11/2012	6.9	
2	6254	NGUY N HÀ ANH	KHÔI	08/05/2012	6.17	
3	6255	NGUY N ANH	KHÔI	24/02/2012	6.1	
4	6256	NGUY N HOÀNG B O	KHÔI	10/02/2012	6.14	
5	6257	HUỶNH ĐĂNG	KHÔI	14/11/2012	6.15	
6	6258	NGUY N ĐĂNG	KHÔI	02/06/2012	6.12	
7	6259	PH M ĐĂNG	KHÔI	03/10/2012	6.10	
8	6260	NGUY N HOÀNG	KHÔI	27/05/2012	6.2	
9	6261	BÙI MINH	KHÔI	03/08/2012	6.11	
10	6262	LÊ MINH	KHÔI	20/07/2012	6.16	
11	6263	Đ NG C	KHÔI	28/02/2012	6.3	
12	6264	ĐINH MINH NGUYỄN	KHÔI	05/07/2012	6.13	
13	6265	NGUY N TR N BÍCH	KHUÊ	21/08/2012	6.10	
14	6266	PH M LONG	KH NG	26/10/2012	6.4	
15	6267	TR NG LÊ TRUNG	KIÊN	08/12/2012	6.6	
16	6268	NGUY N TRUNG	KIÊN	21/06/2012	6.7	
17	6269	TR N TRUNG	KIÊN	27/11/2012	6.8	
18	6270	ĐOÀN VĂN	KIÊN	27/11/2012	6.5	
19	6271	Đ LÊ ANH	KI T	18/09/2011	6.11	
20	6272	PHAN THANH GIA	KI T	12/11/2012	6.10	
21	6273	TR N GIA	KI T	19/09/2012	6.2	
22	6274	TR N LONG	KI T	21/11/2012	6.11	
23	6275	NGUY N TU N	KI T	04/07/2012	6.12	
24	6276	TR N VĂN	KI T	15/12/2012	6.9	
25	6277	NGUY N HOÀNG B O	KIM	07/08/2012	6.14	
26	6278	Đ NG	KIM	11/02/2012	6.13	
27	6279	NGUY N ĐÀO GIA	KIM	13/10/2012	6.11	
28	6280	NGUY N TR N HOÀNG	KIM	22/03/2012	6.16	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 11

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6281	HOÀNG THIÊN	KIM	01/12/2012	6.12	
2	6282	WONG THIÊN	KIM	27/12/2012	6.15	
3	6283	TRANG TÚ	KIM	07/05/2012	6.1	
4	6284	CHÂU GIA	KỶ	20/04/2012	6.16	
5	6285	TR NG KỶ	KỶ	27/07/2012	6.10	
6	6286	ÂU M	KỶ	14/07/2012	6.2	
7	6287	LÝ M	KỶ	08/08/2012	6.17	
8	6288	NGUY N QU C	KỶ	22/03/2011	6.8	
9	6289	PHAN VÂN	LAM	20/09/2012	6.4	
10	6290	NGUY N TH THÚY	LAN	26/01/2012	6.6	
11	6291	TS N TU	LÂM	04/12/2012	6.7	
12	6292	NGUY N TÙNG	LÂM	31/08/2012	6.12	
13	6293	VŨ B O	LINH	08/12/2012	6.4	
14	6294	TR N NGUY N DI U	LINH	05/03/2012	6.14	
15	6295	LÊ HOÀNG GIA	LINH	07/09/2012	6.9	
16	6296	PHÙNG GIA	LINH	14/03/2012	6.15	
17	6297	NGUY N ĐOÀN KHÁNH	LINH	15/10/2012	6.5	
18	6298	LÊ HOÀNG KHÁNH	LINH	07/09/2012	6.11	
19	6299	CAO LÝ KHÁNH	LINH	20/12/2012	6.1	
20	6300	HOÀNG TH KHÁNH	LINH	01/11/2012	6.12	
21	6301	NGUY N TH KHÁNH	LINH	29/05/2012	6.2	
22	6302	TRI U KHÁNH	LINH	12/07/2012	6.1	
23	6303	NGUY N TR N MAI	LINH	08/02/2012	6.16	
24	6304	HOÀNG PH NG	LINH	22/12/2012	6.17	
25	6305	BÙI NG C PH NG	LINH	27/08/2012	6.7	
26	6306	NGUY N PH NG	LINH	03/02/2012	6.8	
27	6307	PH M THÙY	LINH	29/06/2012	6.10	
28	6308	D NG TH THÙY	LINH	24/10/2012	6.6	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 12

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6309	NGUY N TH THÙY	LINH	25/01/2012	6.8	
2	6310	TR N NG C TRÚC	LINH	20/05/2012	6.2	
3	6311	TR N TRÚC	LINH	15/06/2012	6.3	
4	6312	Đ NG TÚ	LINH	22/02/2012	6.13	
5	6313	HUỲNH THANH TRÚC	LOAN	04/03/2012	6.10	
6	6314	ĐOÀN L NG B O	LONG	21/11/2012	6.1	
7	6315	NGUY N B O	LONG	01/07/2012	6.5	
8	6316	TR N THÀNH B O	LONG	05/11/2012	6.6	
9	6317	DI P CAO	LONG	24/11/2012	6.15	
10	6318	VÔ CHÍ	LONG	04/04/2012	6.8	
11	6319	Đ NG HOÀNG	LONG	09/10/2012	6.13	
12	6320	NGUY N HOÀNG	LONG	15/11/2012	6.9	
13	6321	NGUY N HOÀNG	LONG	23/02/2012	6.7	
14	6322	PH M HOÀNG	LONG	16/04/2012	6.14	
15	6323	V NG H NG	LONG	02/05/2012	6.7	
16	6324	BÙI KIM	LONG	17/02/2012	6.2	
17	6325	TS N MINH	LONG	12/06/2012	6.10	
18	6326	VÔ LÊ NH T	LONG	09/09/2012	6.11	
19	6327	CHÂU NH T	LONG	19/07/2011	6.17	
20	6328	NGUY N PHI	LONG	15/04/2012	6.14	
21	6329	L U QU C	LONG	09/10/2012	6.16	
22	6330	LÝ QU C	LONG	16/12/2012	6.16	
23	6331	CAO S	LONG	24/07/2012	6.3	
24	6332	H THÀNH	LONG	21/02/2012	6.12	
25	6333	PH M THÀNH	LONG	22/05/2012	6.17	
26	6334	PH M HUỲNH THIÊN	LONG	23/04/2012	6.2	
27	6335	PHAN HOÀNG	L C	25/07/2012	6.4	
28	6336	NGUY N HUỲNH	L C	30/11/2012	6.17	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 13

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6337	PH M HUỖNH	L C	01/12/2012	6.11	
2	6338	L U THÀNH	L C	26/11/2012	6.15	
3	6339	LÝ THANH GIA	L I	17/07/2012	6.13	
4	6340	NGUY N TH KIM	L I	21/06/2012	6.12	
5	6341	NGUY N VĂN	L I	08/01/2010	6.3	
6	6342	LÊ MINH	LUÂN	27/08/2012	6.16	
7	6343	VŨ NGUY N TRÚC	LY	09/04/2012	6.14	
8	6344	L NG NGUY N ÁNH	MAI	22/12/2012	6.3	
9	6345	D NG S N NG C	MAI	06/08/2012	6.16	
10	6346	LÊ PHAN QUỖNH	MAI	05/05/2012	6.1	
11	6347	NGUY N SONG TUY T	MAI	11/04/2012	6.17	
12	6348	LÊ PHI	M NH	14/01/2012	6.5	
13	6349	NGUY N B O	MINH	10/04/2012	6.8	
14	6350	L NG GIA	MINH	07/03/2012	6.6	
15	6351	L NG VĂN HOÀNG	MINH	28/12/2012	6.2	
16	6352	NGUY N QUANG	MINH	19/06/2012	6.10	
17	6353	NGUY N TH ÁI	MY	10/04/2012	6.4	
18	6354	TR N TH O	MY	03/12/2012	6.8	
19	6355	NGÔ MAI TRÀ	MY	20/12/2012	6.7	
20	6356	PHAN TH TRÀ	MY	15/05/2012	6.5	
21	6357	TR N NG C UYÊN	MY	25/07/2012	6.9	
22	6358	PHÙNG UY N	MY	21/06/2012	6.6	
23	6359	LÊ B O	NAM	05/06/2012	6.10	
24	6360	TR NH O	NAM	28/01/2012	6.11	
25	6361	NGUY N HOÀNG	NAM	14/04/2012	6.6	
26	6362	D NG THÁI HOÀNG	NAM	17/12/2012	6.9	
27	6363	TH NG VÕ HOÀNG	NAM	05/07/2012	6.12	
28	6364	NGUY N KỶ	NAM	14/01/2012	6.2	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 14

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6365	NGUY N H NG	NGA	02/12/2012	6.12	
2	6366	TR NH H NG	NGA	26/02/2011	6.11	
3	6367	PH M TH KIM	NGA	12/03/2012	6.10	
4	6368	TÔN N NG C	NGA	05/11/2012	6.2	
5	6369	VĂN LÊ HOÀNG	NGÂN	05/11/2012	6.17	
6	6370	HÀ KIM	NGÂN	15/08/2012	6.1	
7	6371	HUỖNH KIM	NGÂN	11/12/2012	6.3	
8	6372	PH M KIM	NGÂN	13/08/2012	6.1	
9	6373	NGUY N PH M KIM	NGÂN	01/10/2012	6.17	
10	6374	NGUY N TH KIM	NGÂN	19/07/2012	6.15	
11	6375	ĐÀO NG C	NGÂN	14/05/2012	6.4	
12	6376	NGUY N TH NG C	NGÂN	24/07/2012	6.16	
13	6377	NGUY N THANH	NGÂN	14/12/2012	6.14	
14	6378	NGUY N HOÀNG THIÊN	NGÂN	18/04/2012	6.5	
15	6379	NGUY N GIA	NGHI	27/09/2012	6.6	
16	6380	VŨ PH NG	NGHI	20/08/2012	6.7	
17	6381	TR N Đ I	NGHĨA	15/12/2011	6.6	
18	6382	TR N MINH	NGHĨA	09/10/2012	6.15	
19	6383	Đ NHÂN	NGHĨA	21/12/2012	6.1	
20	6384	NGUY N THÀNH	NGHĨA	04/06/2012	6.16	
21	6385	LÂM TRÍ	NGHĨA	27/03/2012	6.13	
22	6386	LÊ PHAN TR NG	NGHĨA	12/12/2011	6.17	
23	6387	TR N TR NG	NGHĨA	19/02/2012	6.14	
24	6388	NGUY N ÁNH	NG C	22/10/2012	6.5	
25	6389	ĐÀO B O	NG C	28/01/2012	6.3	
26	6390	TR N ĐINH B O	NG C	09/07/2012	6.15	
27	6391	TR NG LÊ B O	NG C	13/09/2012	6.8	
28	6392	NGUY N B O	NG C	19/03/2012	6.11	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 15

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6393	ĐOÀN NGUY N B O	NG C	31/05/2012	6.17	
2	6394	LÊ NGUY N B O	NG C	09/10/2012	6.7	
3	6395	LÝ NGUY N B O	NG C	07/04/2012	6.8	
4	6396	LÊ PH M B O	NG C	29/12/2012	6.10	
5	6397	NGUY N TH B O	NG C	22/11/2012	6.9	
6	6398	TR N ĐINH BÍCH	NG C	09/07/2012	6.15	
7	6399	YÊN BÍCH	NG C	06/07/2012	6.9	
8	6400	TR N HOÀNG	NG C	24/06/2012	6.4	
9	6401	NGUY N TH KHÁNH	NG C	22/09/2011	6.10	
10	6402	HUỖNH KIM	NG C	29/03/2012	6.7	
11	6403	PHAN TH KIM	NG C	19/05/2012	6.6	
12	6404	LÝ NGUY N M	NG C	16/11/2012	6.14	
13	6405	NGUY N TH M	NG C	08/04/2010	6.17	
14	6406	LÝ LÊ NH	NG C	17/08/2012	6.9	
15	6407	VÕ TR N TH O	NG C	23/07/2012	6.12	
16	6408	NGUY N ĐĂNG TU N	NG C	05/11/2012	6.4	
17	6409	TR N NG C B O	NGUYỄN	15/07/2012	6.13	
18	6410	NGUY N TH THANH	NGUYỄN	01/03/2012	6.12	
19	6411	L U LÊ TH O	NGUYỄN	04/11/2012	6.11	
20	6412	TR N LÊ TH O	NGUYỄN	28/10/2012	6.14	
21	6413	TR N NG C TH O	NGUYỄN	13/03/2012	6.15	
22	6414	LÊ TH BÍCH	NHÂN	10/02/2012	6.16	
23	6415	MÃ TR N QU C	NHÂN	19/10/2012	6.13	
24	6416	PHAN NGUY N THÀNH	NHÂN	17/12/2012	6.6	
25	6417	PHAN VI T THI N	NHÂN	24/11/2012	6.5	
26	6418	NGUY N NG C TRÍ	NHÂN	31/03/2012	6.7	
27	6419	NGUY N TR NG	NHÂN	31/10/2012	6.2	
28	6420	TR N VĂN	NHÂN	06/02/2012	6.16	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 16

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6421	VÕ HUỖNH	NH T	18/10/2012	6.9	
2	6422	HOÀNG MINH	NH T	04/01/2012	6.8	
3	6423	LÊ MINH	NH T	03/08/2012	6.10	
4	6424	LÊ B O	NHI	10/10/2011	6.8	
5	6425	PH M TH HUY N	NHI	01/11/2012	6.14	
6	6426	NGUY N NG C TH O	NHI	16/03/2012	6.12	
7	6427	VÕ VĂN TH O	NHI	07/02/2011	6.3	
8	6428	NGUY N TRÚC	NHI	23/04/2012	6.6	
9	6429	H NG TUY T	NHI	10/11/2012	6.15	
10	6430	PHÙNG UY N	NHI	23/11/2011	6.16	
11	6431	HUỖNH Y N	NHI	22/04/2012	6.11	
12	6432	D NG NG C Y N	NHI	18/11/2012	6.10	
13	6433	NGUY N NG C Y N	NHI	18/03/2012	6.7	
14	6434	TR N NG C Y N	NHI	12/06/2012	6.13	
15	6435	NGUY N Y N	NHI	01/10/2012	6.4	
16	6436	LÊ TH Y N	NHI	13/10/2012	6.3	
17	6437	NGÔ TH Y N	NHI	18/04/2012	6.2	
18	6438	PH M VŨ Y N	NHI	07/07/2012	6.5	
19	6439	NGUY N HOÀNG KHÁNH	NH	28/07/2012	6.17	
20	6440	NGUY N MAI QUỖNH	NH	12/09/2012	6.13	
21	6441	LÊ NGUY N QUỖNH	NH	23/11/2012	6.3	
22	6442	PH M QUỖNH	NH	09/08/2012	6.6	
23	6443	NGUY N PH M QUỖNH	NH	21/06/2012	6.4	
24	6444	THÂN QUỖNH	NH	21/01/2012	6.7	
25	6445	T NG QUỖNH	NH	25/08/2012	6.5	
26	6446	KIM NG C T NG	NH	13/02/2012	6.16	
27	6447	TR N NG C VY	OANH	07/09/2012	6.3	
28	6448	LÊ B O	PHÁT	14/08/2012	6.12	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 17

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6449	Đ Đ C	PHÁT	14/10/2012	6.3	
2	6450	CHU GIA	PHÁT	10/01/2012	6.2	
3	6451	NGUY NH HI U	PHÁT	17/09/2012	6.13	
4	6452	ĐÀO MINH	PHÁT	03/04/2012	6.2	
5	6453	NGÔ MINH	PHÁT	16/03/2012	6.5	
6	6454	PH M NGUY N MINH	PHÁT	05/09/2012	6.14	
7	6455	NGUY N THÀNH	PHÁT	05/05/2009	6.15	
8	6456	VÕ TR N THÀNH	PHÁT	17/06/2012	6.11	
9	6457	VÕ NGUY N TI N	PHÁT	29/12/2012	6.1	
10	6458	TR N TI N	PHÁT	07/01/2012	6.2	
11	6459	Đ TRUNG	PHÁT	24/10/2012	6.6	
12	6460	PH M LÊ TR NG	PHÁT	13/10/2012	6.4	
13	6461	NGUY N VĂN	PHÁT	13/09/2011	6.16	
14	6462	TR N ĐÌNH	PHONG	25/10/2012	6.6	
15	6463	T HOÀI	PHONG	18/01/2012	6.7	
16	6464	H KI U	PHONG	31/12/2011	6.1	
17	6465	Đ T N	PHONG	16/07/2012	6.9	
18	6466	NGUY N TI U	PHONG	15/12/2011	6.8	
19	6467	BÙI ANH	PHÚ	12/07/2011	6.10	
20	6468	NGUY N GIA	PHÚ	19/03/2012	6.11	
21	6469	NGUY N THANH	PHÚ	05/10/2012	6.12	
22	6470	NGUY N Đ C	PHÚC	08/10/2011	6.5	
23	6471	LÂM HOÀNG	PHÚC	22/09/2012	6.3	
24	6472	LÊ MINH	PHÚC	11/04/2012	6.14	
25	6473	CAO NG C	PHÚC	05/12/2012	6.13	
26	6474	H ĐĂNG T N	PHÚC	27/10/2012	6.4	
27	6475	NGUY N THIÊN	PHÚC	05/01/2012	6.2	
28	6476	NGUY N THIÊN	PHÚC	12/10/2012	6.6	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 18

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6477	NGUY N THIÊN	PHÚC	07/06/2012	6.15	
2	6478	TR NG TR NG	PHÚC	25/04/2012	6.17	
3	6479	PH M THÀNH MINH	PH NG	30/09/2012	6.6	
4	6480	PHÀNG THIÊN	PH NG	21/03/2012	6.8	
5	6481	LÂM TI U	PH NG	09/12/2012	6.3	
6	6482	LÊ ĐÌNH	PH C	04/04/2012	6.8	
7	6483	HOÀNG QUÝ	PH C	19/09/2012	6.7	
8	6484	BÙI THIÊN	PH C	21/06/2012	6.9	
9	6485	NGUY N VĂN	PH C	12/02/2012	6.10	
10	6486	H HUỖNH	PH NG	28/06/2008	6.4	
11	6487	PH M KIM	PH NG	09/10/2012	6.11	
12	6488	PH M HOÀNG MINH	PH NG	07/11/2012	6.11	
13	6489	LÂM M	PH NG	03/07/2012	6.9	
14	6490	NGUY N NG C	PH NG	12/01/2012	6.12	
15	6491	Đ NG NG C THANH	PH NG	10/06/2012	6.10	
16	6492	NGUY N HÀ BÍCH	PH NG	02/11/2012	6.13	
17	6493	CHUNG NH	PH NG	08/12/2012	6.16	
18	6494	HUỖNH PIN	PIN	07/01/2010	6.2	
19	6495	Đ HOÀNG	QUÂN	14/05/2012	6.1	
20	6496	NGUY N HOÀNG MINH	QUÂN	17/12/2012	6.7	
21	6497	TR N LÊ MINH	QUÂN	30/03/2012	6.14	
22	6498	TR N NG C MINH	QUÂN	15/08/2012	6.16	
23	6499	NGUY N MINH	QUÂN	19/07/2012	6.13	
24	6500	VÕ NGUY N MINH	QUÂN	16/10/2012	6.2	
25	6501	T MINH	QUÂN	14/09/2012	6.15	
26	6502	LÊ PH C	QUY	27/08/2012	6.16	
27	6503	NGUY N Đ T KIM	QUÝ	13/11/2012	6.4	
28	6504	LÊ TU N	QUÝ	24/10/2012	6.5	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 19

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6505	TR N PH NG	QUYÊN	21/03/2012	6.17	
2	6506	TR N XUÂN	QUYÊN	06/07/2012	6.15	
3	6507	NGUY N ÁI NH	QUỖNH	15/02/2012	6.12	
4	6508	PH M Đ NG NH	QUỖNH	28/12/2012	6.4	
5	6509	NGUY N NG C NH	QUỖNH	26/08/2011	6.15	
6	6510	NGUY N T N	SANG	23/11/2012	6.11	
7	6511	TR N TI N	SANG	26/02/2012	6.6	
8	6512	NGUY N HOÀNG	S N	27/11/2012	6.8	
9	6513	BÙI VÕ TR NG	S N	05/12/2012	6.4	
10	6514	NGUY N TR N CÔNG	TÀI	17/05/2012	6.11	
11	6515	NGUY N NG C	TÀI	24/02/2012	6.10	
12	6516	HUỖNH THANH	TÀI	16/07/2012	6.9	
13	6517	L NG Đ C	TÁNH	04/12/2012	6.13	
14	6518	CHÂU MINH	TÂM	23/08/2010	6.16	
15	6519	PHAN HUỖNH MINH	TÂM	26/07/2012	6.14	
16	6520	LÊ TH THANH	TÂM	31/07/2012	6.5	
17	6521	NGUY N T N VĨNH	TÂM	27/08/2012	6.15	
18	6522	Đ Đ C	TÂN	09/07/2012	6.3	
19	6523	TR N MINH	TÂN	16/11/2011	6.12	
20	6524	THÁI NH T	TÂN	19/11/2012	6.17	
21	6525	LÂM HOÀNG	TH CH	13/05/2012	6.4	
22	6526	NGUY N MINH	THÁI	04/01/2010	6.1	
23	6527	NGUY N H U THÀNH	THÁI	06/02/2012	6.6	
24	6528	NGÔ VI T	THÁI	24/08/2011	6.5	
25	6529	NGUY N TR N NH T	THANH	29/02/2012	6.8	
26	6530	HUỖNH CHÍ	THÀNH	26/10/2012	6.10	
27	6531	NGUY N CHÍ	THÀNH	19/07/2012	6.11	
28	6532	TẶNG CHÍ	THÀNH	10/05/2012	6.9	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 20

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6533	TR N Đ C	THÀNH	24/10/2012	6.12	
2	6534	NGUY N KHÁNH	THÀNH	18/06/2012	6.14	
3	6535	ĐOÀN T N	THÀNH	19/03/2012	6.16	
4	6536	T VĨ	THÀNH	20/01/2012	6.1	
5	6537	ĐOÀN HOÀNG PH NG	TH O	27/10/2012	6.7	
6	6538	NGUY N NG C PH NG	TH O	16/08/2012	6.6	
7	6539	LÝ THU	TH O	10/09/2012	6.8	
8	6540	THÁI TH THU	TH O	28/11/2012	6.9	
9	6541	NGUY N Đ C	THĂNG	27/05/2012	6.13	
10	6542	NGUY N	TH NG	16/02/2012	6.12	
11	6543	NGUY N TÂN	TH NG	09/07/2012	6.12	
12	6544	TR N VI T	TH NG	17/01/2012	6.15	
13	6545	TR N NG C B O	THI	22/07/2012	6.12	
14	6546	NGUY N TH HOÀNG	THI	20/11/2012	6.10	
15	6547	PH M TRÚC MINH	THI	16/04/2012	6.11	
16	6548	NGUY N C NH	THIÊN	04/06/2012	6.1	
17	6549	ĐOÀN GIA	THIÊN	30/09/2012	6.1	
18	6550	TR N GIA	THIÊN	18/04/2012	6.16	
19	6551	TR NG VỒ PHI	THIÊN	13/07/2012	6.17	
20	6552	VŨ QU C	THIÊN	02/07/2012	6.4	
21	6553	NGUY N VỒ	THIÊN	29/07/2012	6.3	
22	6554	NGUY N NG C	THI N	25/06/2012	6.5	
23	6555	NGUY N Đ C TRÍ	THI N	30/03/2012	6.6	
24	6556	NGUY N ĐÌNH	TH NH	21/11/2012	6.9	
25	6557	NGUY N NG C	TH NH	16/03/2012	6.1	
26	6558	H PHÚC	TH NH	20/11/2012	6.2	
27	6559	NGUY N QU C	TH NH	12/08/2012	6.8	
28	6560	LÂM T N	TH NH	03/07/2012	6.1	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 21

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6561	LÂM T N	TH NH	22/09/2012	6.2	
2	6562	NGUY N TR NG	TH NH	01/06/2012	6.10	
3	6563	PH M NGUY N ANH	THÔNG	12/07/2012	6.11	
4	6564	Đ NG TR N ANH	TH	02/05/2012	6.13	
5	6565	VÕ MINH	THÙY	02/05/2012	6.16	
6	6566	LÊ HOÀNG PH NG	THÙY	26/01/2012	6.15	
7	6567	HUỲNH NG C PH NG	THÙY	14/06/2012	6.14	
8	6568	LÊ PH M MINH	TH Y	07/12/2012	6.3	
9	6569	TR N TH THANH	TH Y	16/09/2012	6.17	
10	6570	D NG NG C THANH	THÚY	12/07/2012	6.5	
11	6571	H TH THANH	THÚY	28/10/2012	6.4	
12	6572	HUỲNH ANH	TH	19/07/2012	6.6	
13	6573	HUỲNH ANH	TH	06/01/2012	6.15	
14	6574	MAI ANH	TH	01/01/2012	6.13	
15	6575	NGUY N NG C ANH	TH	20/12/2012	6.1	
16	6576	NGUY N ANH	TH	27/11/2010	6.9	
17	6577	NGUY N ANH	TH	01/11/2012	6.12	
18	6578	PH M TR N ANH	TH	09/11/2012	6.7	
19	6579	VÕ ANH	TH	22/09/2012	6.10	
20	6580	NGUY N TH KIM	TH	23/07/2012	6.11	
21	6581	L I HUỲNH MINH	TH	25/12/2012	6.14	
22	6582	NGUY N HUỲNH MINH	TH	25/12/2012	6.16	
23	6583	PH M Đ NG H U	TH C	19/08/2012	6.12	
24	6584	HUỲNH VŨ HOÀI	TH NG	14/10/2012	6.1	
25	6585	KH U NG C B O	THY	09/10/2012	6.2	
26	6586	ĐOÀN TH B O	THY	08/12/2011	6.15	
27	6587	VŨ HOÀNG KHÁNH	THY	01/05/2012	6.15	
28	6588	TR N TH THANH	THY	07/10/2012	6.16	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 22

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6589	LÊ PH M M	TIỀN	20/02/2012	6.17	
2	6590	PH M NGUY N NG C	TIỀN	29/04/2012	6.3	
3	6591	LÊ HOÀNG TH Y	TIỀN	06/09/2012	6.4	
4	6592	LÊ TH TH Y	TIỀN	31/10/2012	6.5	
5	6593	D NG DUY	TI N	15/06/2012	6.16	
6	6594	NGUY NH NG	TI N	26/04/2012	6.14	
7	6595	PH M NGUY N	TI N	05/07/2012	6.13	
8	6596	LÊ VĂN NH T	TI N	10/07/2011	6.2	
9	6597	TR N	TI N	02/04/2012	6.15	
10	6598	NGUY N	TÍN	13/07/2012	6.17	
11	6599	TR NG NGUY N MINH	TOÀN	26/01/2012	6.5	
12	6600	NGUY N VĂN	TOÀN	13/10/2011	6.4	
13	6601	LÊ MINH	T I	15/06/2012	6.8	
14	6602	TR N LÊ THANH	TRÀ	02/08/2012	6.6	
15	6603	BÙI NG C ĐOAN	TRANG	13/04/2012	6.1	
16	6604	KIM PH NG	TRANG	28/05/2012	6.8	
17	6605	H THU	TRANG	12/12/2012	6.9	
18	6606	PH M VÂN	TRANG	18/12/2012	6.7	
19	6607	ĐINH B O	TRÂM	18/11/2012	6.17	
20	6608	NGUY N NG C B O	TRÂM	12/05/2012	6.13	
21	6609	NGUY N NG C B O	TRÂM	14/07/2012	6.4	
22	6610	PHAN NGUY N B O	TRÂM	08/02/2012	6.14	
23	6611	ĐOÀN NG C	TRÂM	04/05/2012	6.11	
24	6612	NGUY N NG C	TRÂM	26/11/2012	6.3	
25	6613	PHAN NGUY N NG C	TRÂM	08/02/2012	6.14	
26	6614	TR N NGUY N NG C	TRÂM	18/02/2012	6.15	
27	6615	PHAN QUỲNH NG C	TRÂM	02/09/2012	6.13	
28	6616	HÀNG GIA B O	TRÂN	15/03/2011	6.2	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 23

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6617	HUỖNH B O	TRẦN	29/06/2012	6.8	
2	6618	NGUY N HUỖNH B O	TRẦN	02/07/2012	6.7	
3	6619	H NG C B O	TRẦN	02/08/2012	6.6	
4	6620	NGUY N NG C B O	TRẦN	14/07/2012	6.4	
5	6621	TR N NG C B O	TRẦN	05/10/2012	6.5	
6	6622	TH CH DUY	TRÍ	14/11/2011	6.2	
7	6623	NGUY N H U	TRÍ	02/11/2012	6.7	
8	6624	ĐOÀN PHAN MINH	TRÍ	26/10/2012	6.1	
9	6625	VỖ MINH	TRÍ	02/11/2011	6.14	
10	6626	NGUY N NH T	TRÍ	27/10/2012	6.3	
11	6627	H THÀNH	TRÍ	04/01/2012	6.8	
12	6628	H NG C MINH	TRI T	04/11/2012	6.9	
13	6629	NGUY N H I	TRI U	06/11/2012	6.10	
14	6630	VỖ MINH	TRI U	16/04/2012	6.11	
15	6631	NGUY N NG C QU	TRINH	19/05/2012	6.9	
16	6632	NGUY N H U	TR NG	12/10/2012	6.12	
17	6633	NGUY N KIM	TR NG	19/12/2012	6.13	
18	6634	NGUY N NG C B O	TRÚC	04/01/2012	6.12	
19	6635	TR N H NG	TRÚC	22/10/2012	6.5	
20	6636	NGUY N PH M NH	TRÚC	28/09/2012	6.11	
21	6637	NGUY N ĐOÀN PH NG	TRÚC	19/07/2012	6.13	
22	6638	MAI D NG THANH	TRÚC	27/11/2012	6.16	
23	6639	MAI THANH	TRÚC	09/03/2012	6.10	
24	6640	NGUY N THANH	TRÚC	03/08/2012	6.15	
25	6641	NGUY N TH THANH	TRÚC	01/09/2012	6.14	
26	6642	PH M TH	TRÚC	06/12/2012	6.15	
27	6643	TI N ANH	TRUNG	08/11/2012	6.17	
28	6644	NGUY N Đ C	TRUNG	24/10/2012	6.9	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH D KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 24

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6645	LÊ MINH	TRUNG	31/08/2012	6.14	
2	6646	NGÔ T N	TRUNG	09/02/2012	6.16	
3	6647	TR NG VĨNH	TRUNG	16/08/2012	6.3	
4	6648	BÙI LONG	TRUY N	10/10/2012	6.12	
5	6649	NGUY N TRUNG	TR C	15/06/2012	6.5	
6	6650	LÊ DUY	TR NG	30/03/2012	6.7	
7	6651	PH M MINH	TR NG	18/09/2012	6.8	
8	6652	TR NG MINH	TR NG	28/02/2012	6.6	
9	6653	NGUY N TR N ANH	TÚ	09/12/2012	6.10	
10	6654	TR NG HOÀNG MINH	TÚ	27/06/2012	6.17	
11	6655	NGUY N LÊ TU N	TÚ	06/04/2012	6.9	
12	6656	Đ NG ANH	TU N	08/04/2012	6.1	
13	6657	NGUY N HÀ ANH	TU N	11/04/2012	6.17	
14	6658	NGUY N QUÝ ANH	TU N	09/06/2012	6.11	
15	6659	LÂM GIA	TU	12/04/2012	6.2	
16	6660	TR N HOÀNG	TÙNG	22/09/2012	6.2	
17	6661	TR N THANH	TÙNG	19/12/2012	6.13	
18	6662	NGUY N THIÊN	TÙNG	05/06/2011	6.12	
19	6663	T NG MÀNH	TUY T	09/10/2012	6.3	
20	6664	BÙI KHÁNH	T NG	02/06/2012	6.14	
21	6665	LÊ HOÀI	T NG	04/03/2012	6.15	
22	6666	H PH NG	UYÊN	29/12/2012	6.1	
23	6667	ĐINH H TH O	UYÊN	14/10/2012	6.4	
24	6668	TR N KIM	VÀNG	18/12/2012	6.5	
25	6669	LÊ TR NH ANH	VĂN	04/09/2012	6.16	
26	6670	BÙI TH ÁNH	VÂN	25/10/2012	6.7	
27	6671	TR N GIA	VÂN	05/06/2012	6.2	
28	6672	VÕ H NG	VÂN	11/10/2012	6.8	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 25

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6673	NGÔ PH M KHÁNH	VÂN	06/04/2012	6.9	
2	6674	NGUY N THU	VÂN	17/12/2012	6.6	
3	6675	NGUY N HOÀNG	VI T	16/01/2012	6.17	
4	6676	NGUY N PH M CÔNG	VINH	23/11/2011	6.6	
5	6677	LÊ PHÚC	VINH	23/06/2012	6.4	
6	6678	NGUY N PHÚC	VINH	16/07/2012	6.5	
7	6679	NGUY N TH	VINH	08/09/2012	6.3	
8	6680	NGUY N TR NG	VĨNH	13/04/2012	6.7	
9	6681	NGUY N B O	VŨ	24/09/2012	6.9	
10	6682	TR N LONG	VŨ	14/03/2012	6.8	
11	6683	Đ NGUY N ĐÌNH	V NG	21/05/2012	6.10	
12	6684	PH M TU N	V NG	03/09/2012	6.1	
13	6685	NGUY N XUÂN AN	VY	29/08/2012	6.16	
14	6686	PHAN PH M B O	VY	23/08/2012	6.4	
15	6687	Đ NG CHÂU HOÀNG	VY	28/12/2012	6.10	
16	6688	CAO NG C KHÁNH	VY	16/12/2012	6.6	
17	6689	NGUY N KHÁNH	VY	18/12/2012	6.3	
18	6690	NGUY N TH KI U	VY	13/09/2012	6.13	
19	6691	TR N TH KI U	VY	19/07/2012	6.8	
20	6692	NGUY N HOÀNG LÊ	VY	02/11/2012	6.7	
21	6693	Đ NG NG C PH NG	VY	12/09/2012	6.12	
22	6694	LÊ NGUY N PH NG	VY	09/01/2012	6.17	
23	6695	TR N PH NG	VY	22/04/2012	6.1	
24	6696	LÊ TR N PH NG	VY	18/02/2012	6.11	
25	6697	PHAN LÊ HOÀNG THANH	VY	04/09/2012	6.7	
26	6698	NGUY N TH THANH	VY	24/12/2012	6.14	
27	6699	TR N NG C TH O	VY	22/01/2012	6.10	
28	6700	TR N TH TH O	VY	08/10/2012	6.13	

Danh sách này có 28 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang

DANH SÁCH H C SINH Đ KI M TRA CU I H C KÌ 2

PHÒNG: 26

STT	SBD	H	Tên	Ngày sinh	L p	Ghi chú
1	6701	TĂNG TI U	VY	07/10/2012	6.1	
2	6702	NGUY N TRI U	VY	13/01/2012	6.9	
3	6703	TR N TH TÚ	VY	15/06/2012	6.5	
4	6704	LÊ T NG	VY	22/09/2012	6.14	
5	6705	NGUY N NG C T NG	VY	10/07/2012	6.12	
6	6706	PH M NG C T NG	VY	22/11/2012	6.3	
7	6707	NGUY N T NG	VY	19/12/2012	6.11	
8	6708	NGUY N TH UYÊN	VY	11/09/2012	6.15	
9	6709	LÊ NGUY N Y N	VY	04/01/2012	6.8	
10	6710	H CH N	V	20/06/2011	6.11	
11	6711	SIN TOÀN M	Ý	17/07/2012	6.17	
12	6712	HUỖNH NG C NH	Ý	06/11/2011	6.16	
13	6713	NGUY N NG C NH	Ý	15/11/2012	6.11	
14	6714	NGUY N TH NH	Ý	28/11/2012	6.15	
15	6715	VÕ VĂN NH	Ý	04/04/2012	6.3	
16	6716	Đ NG HOÀNG B O	Y N	24/10/2012	6.14	
17	6717	LÊ B O	Y N	20/09/2012	6.13	
18	6718	TR N NG C B O	Y N	17/01/2012	6.11	
19	6719	PH M NGUY N B O	Y N	28/11/2012	6.10	
20	6720	VÕ HOÀNG H I	Y N	02/10/2012	6.9	
21	6721	NGUY N TR N HOÀNG	Y N	03/04/2012	6.6	
22	6722	TR NG HOÀNG	Y N	31/07/2012	6.5	
23	6723	H KIM	Y N	09/04/2012	6.7	
24	6724	NGUY N TH NG C	Y N	28/08/2012	6.12	
25	6725	TR NH NG C	Y N	11/08/2012	6.8	
26	6726	HUỖNH NGUY N NH	Y N	14/11/2012	6.3	
27	6727	BÙI TI U	Y N	07/11/2012	6.4	

Danh sách này có 27 h c sinh

BHHA, ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ch t ch h i đ ng

H Th Thùy Trang